

B GIAO THÔNG V N T I
B GIAO THÔNG V N T I

C NG HđA Xí H I CH NGHAA VI T NAM
ñ c l p - T do - H nh ph³c

B NG ñI M CHI TI T MĐN H C - MĐN KI M TRA

NÑñ h c : 2012-2013

L p h c : T t c

H c km : HK02

Mññ h c : Auto CAD cññ b n

STT	MÃ SV	H Vĩ TĩN		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3554010300	ñ ng Tu n	Anh	5.0	5.0					4.0	5.5		4.6	4.6	5.2		
2	3554010302	Nguy n Xu ^a n	Ái	6.0	7.0					3.0			5.0	5.0	3.7		
3	3554010278	Tr n Minh	Bình	6.0	7.0					5.0			5.9	5.9	3.7		
4	3554010117	Tr ng C»ng	Bình	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
5	3554010286	Nguy n VÑñ	Boan	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
6	3554010068	Nguy n Minh	Châu	8.0	7.0					8.0			7.7	7.7	4.3		
7	3554010058	Phan VÑñ	Chính	6.0	7.0					6.0			6.3	6.3	3.7		
8	3554010073	Ph m C nh	Ch ng	6.0	8.0					9.0			7.9	7.9	4.0		
9	3554010244	L ² VÑñ	Ch c	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
10	3554010175	D ng Th ⁱ i	D ng	5.0	7.0					8.0			6.9	6.9	3.4		
11	3554010207	Nguy n Minh	ñ c	5.0	6.0					2.0	5.5		4.0	4.0	5.5		
12	3554010353	Ng» Ti n	Hào	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
13	3554010385	T Thanh	H i	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
14	3554010104	Tr n C»ng	H u	5.0	6.0					1.0	3.0		3.6	3.6	4.4		
15	3554010029	Lê Duy	Ho ng	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
16	3554010290	Nguy n T n	Hòa	6.0	6.0					4.0			5.1	5.1	3.4		
17	3554010348	Tr n Ph m Bi ² n	Hòa	8.0	8.0					1.0			5.0	5.0	4.6		
18	3554010171	Lĩ VÑñ	Hùng	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
19	3554010131	Nguy n Tu n	Ki t	6.0	7.0					4.0			5.4	5.4	3.7		
20	3554010340	ñ inh M nh	Khang	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
21	3554010233	Ng» Vi t	Khoa	5.0	6.0					3.0	4.0		4.4	4.4	4.9		
22	3554010003	T C»ng	Khôi	8.0	8.0					8.0			8.0	8.0	4.6		
23	3554010305	ñ ng VÑñ	Linh	5.0	6.0					4.0	3.0		4.9	4.9	4.4		
24	3554010121	Lê Thanh	L i	5.0	7.0					3.0	8.0		4.7	4.7	6.9		
25	3554010144	Tr n Tr [´]	Minh	6.0	5.0					5.0			5.3	5.3	3.1		
26	3554010310	Ch ^a u Tu n	Nghĩ	6.0	6.0					6.0			6.0	6.0	3.4		
27	3554010055	Nguy n VÑñ	Nghĩ	6.0	8.0					6.0			6.6	6.6	4.0		
28	3551010314	Tr n VÑñ	Ngoan	7.0	7.0					5.0			6.1	6.1	4.0		
29	3554010255	Nguy n VÑñ	Nguyên	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT

STT	MÃ SV	H Vĩ T c N		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
30	3544010110	Tr ng B o	Nh t	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
31	3554010026	Nguy n n nh	Phúc	5.0	6.0					4.0	5.5		4.9	4.9	5.5		
32	3554010284	n ng H u	Quang	7.0	7.0					3.0			5.3	5.3	4.0		
33	3554010331	Phan VÑ	Quân	5.0	6.0					2.0	3.0		4.0	4.0	4.4		
34	3554010044	L u Gia	Sâm	5.0	8.0					6.0			6.3	6.3	3.7		
35	3554010230	Phan n nh	Tao	5.0	7.0					2.0	4.0		4.3	4.3	5.1		
36	3554010002	Nguy n Ch´	Tâm	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
37	3554010240	Huunh Tr ng	Tân	8.0	8.0					5.0			6.7	6.7	4.6		
38	3554010197	Nguy n H u	Tân	5.0	4.0					0.0			2.6	2.6	2.6		
39	3554010259	V½H ng	Ti n	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
40	3554010108	Nguy n Minh	Tình	5.0	6.0					4.0	6.0		4.9	4.9	5.7		
41	3554010063	Tr n Qu c	Toàn	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
42	3554010332	VHĐuy	Tu n	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
43	3554010043	Nguy n Qu c	Tuyên	5.0	7.0					3.0	6.0		4.7	4.7	6.0		
44	3554010125	Nguy n VÑ	Ty	7.0	7.0					4.0			5.7	5.7	4.0		
45	3554010137	Phan Minh	Thành	8.0	7.0					7.0			7.3	7.3	4.3		
46	3554010365	n Xuª n	Thái	5.0	7.0					2.0	7.5		4.3	4.3	6.6		
47	3554010209	H Ngh	Thái	6.0	8.0					7.0			7.0	7.0	4.0		
48	3554010033	Nguy n Ti n	Th nh	8.0	8.0					5.0			6.7	6.7	4.6		
49	3554010276	Tr n Ti n	Thu n	5.0	8.0					7.0			6.7	6.7	3.7		
50	3554010372	Nguy n VÑ	Trung	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
51	3554010338	Nguy n VÑ Ho@	Trung	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT
52	3554010249	L² M	Truy n	6.0	7.0					2.0	3.0		4.6	4.6	5.0		
53	3554010132	Nguy n n c	Vinh	5.0	5.0					0.0			2.9	2.9	2.9		
54	3554010405	Nguy n Ph¼	Vinh	5.0	6.0					3.0	6.5		4.4	4.4	5.9		
55	3554010279	Duy VÑ	VHO	0.0	0.0					0.0	0.0		0.0	0.0	0.0		CT

T ng s : 55 h c sinh - sinh vi² n.

X p lo i	S l ng	T l (%)
n t	32	57
Kh»ng n t	24	42

Tp.HCM, ng@ 29 th`ng 8 nÑn 2013

Tr ng Khoa

Gi`o vi² n b m»n

Gi`o v Khoa